

Bản án số: 399/2022/DS-PT

Ngày: 20/7/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tú Oanh**

Các Thẩm phán:

1. Bà **Võ Thị Kim Thương**

2. Bà **Nguyễn Thị Thu**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ, cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông **Lê Trọng Long** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/DSPT ngày 17/6/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2631/2022/QĐPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: Số 08 đường Văn Chung, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Hưng H, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Số 130 đường Trần Văn Dư, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn Ông Phạm Văn P trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông cho Ông Trần Hưng H vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 11/11/2020, Ông H vay của ông số tiền 15.000.000 đồng;

- Ngày 12/11/2020, Ông H vay của ông số tiền 25.000.000 đồng;

- Ngày 04/12/2020, Ông H vay của ông số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền Ông H vay của ông là 80.000.000 đồng.

Theo 02 giấy vay tiền ngày 11 và 12/11/2020, Ông H vay không lãi suất và hẹn sau 20 đến 25 ngày sẽ trả nợ nhưng Ông H không trả mà lấy lý do cần tiền cho em trai Ông H làm công việc nên tiếp tục vay thêm số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 04/12/2020, số tiền này lãi suất là 3%/tháng. Ngày 04/02/2021, Ông H đã trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 04/12/2020 và tiền lãi là 2.400.000 đồng

(tiền lãi 02 tháng tính từ 04/12/2020 đến ngày 04/02/2021). Tuy nhiên, Ông H không trả tiền cho ông theo hai giấy nợ ngày 11 và 12/11/2020. Ông nhiều lần yêu cầu Ông H thanh toán nhưng Ông H trốn tránh và cho rằng chỉ mượn 40.000.000 đồng và đã thanh toán nên không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông H trả cho ông số tiền còn nợ theo hai giấy nợ ngày 11 và 12/11/2020 số tiền là 40.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu trả tiền lãi. Ông xác nhận đây là tiền riêng của ông cho Ông H vay, không liên quan đến vợ ông là bà Dương Thị Lan Q. Ông cũng xác định chỉ yêu cầu cá nhân Ông H trả nợ, không yêu cầu vợ Ông H là bà Lê Thị L liên đới trả nợ.

- Theo bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa Ông Trần Hưng H trình bày:

Ông xác nhận có vay của Ông Phạm Văn P số tiền 40.000.000 đồng theo 02 giấy vay tiền ngày 11 và 12/11/2020, vay không lãi suất và hẹn sau 20 đến 25 ngày sẽ thanh toán. Ông xác nhận chữ ký và chữ viết trên 02 giấy vay tiền này là của ông và khoản nợ này là của cá nhân ông, không liên quan đến vợ của ông là bà Lê Thị L. Ngày 04/12/2020, sau 22 ngày thì ông có trả Ông H 1.000.000 đồng là tiền lãi và hai bên lập giấy vay nợ mới để xác định lãi suất của khoản vay ngày 11 và 11/11/2019 là 3%/tháng, chứ ông P không hề cho ông vay thêm tiền. Khi ông yêu cầu ông P trả cho ông bản chính của hai giấy vay ngày 11 và 12/11/2020, ông P nói bận việc và nhiều giấy tờ sẽ trả sau nên ông có ghi chú vào giấy vay tiền ngày 04/12/2020 là “chỉ có 01 tờ vay tiền này”. Nhưng sau đó, ông P cũng không trả lại cho ông 02 bản chính giấy vay tiền này. Ngày 04/02/2021, ông đã trả cho ông P số tiền 40.000.000 đồng và 2.400.000 đồng là tiền lãi của 02 tháng tính từ ngày 04/12/2020 đến ngày 04/02/2021. Ông khẳng định ông đã trả nợ đầy đủ cho Ông H nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Ông Trần Hưng H có trách nhiệm trả cho Ông Phạm Văn P số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) theo 02 (hai) giấy vay tiền ngày 11/11/2020 và ngày 12/11/2020, trả 01 (một) lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/4/2022, Ông Trần Hưng H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 14/4/2022, bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn Ông Trần Hưng H trình bày: bản án không phù hợp với tình tiết khách quan; có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không cho nguyên đơn và bị đơn đối chất.

- Nguyên đơn yêu cầu y án sơ thẩm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm Phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều chấp hành và tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của Ông Trần Hưng H làm đúng hình thức, trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được công nhận về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo:

Xét nội dung đơn kháng cáo của Ông Trần Hưng H, với lý do kháng cáo của Ông Trần Hưng H đưa ra là kết luận trong bản án không phù hợp với tình tiết khách quan; có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không cho nguyên đơn và bị đơn đối chất.

Về tình tiết khách quan, Ông Trần Hưng H cho rằng chỉ vay tiền của Ông Phạm Văn P theo 02 giấy vay tiền ngày 11 và 12/11/2020, còn giấy vay tiền ngày 04/12/2020 là xác nhận lại 02 giấy vay nêu trên tổng cộng 40.000.000 đồng, với mức lãi 3%, chứ ông không vay thêm; ông có đòi lại 02 giấy vay tiền ngày 11 và 12/11/2020 nhưng ông P không trả nên ông có ghi vào giấy vay tiền ngày 04/12/2020 là “*chỉ có 01 tờ vay tiền này*” và đến ngày 04/02/2021, ông đã trả cho ông P số tiền 40.000.000 đồng là tiền lãi nên ông không còn nợ ông P.

Hội đồng xét xử xét thấy, giấy vay tiền ngày 04/12/2020 có ghi “*chỉ có 01 tờ vay tiền này*”, không thể hiện rõ giấy vay tiền ngày 04/12/2020 thay thế cho 02 giấy vay tiền ngày 11 và 12/11/2020, nên việc Ông H cho rằng giấy vay tiền ngày 04/12/2020 thay thế cho 02 giấy vay tiền ngày 11 và 12/11/2020 là không có cơ sở.

Cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ các bên đã giao nộp để đánh giá và xác định việc Ông H còn nợ ông P số tiền 40.000.000 đồng theo 02 giấy vay tiền ngày 11 và 12/11/2020 là có cơ sở và phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

Quá trình thụ lý vụ án, có mâu thuẫn trong lời khai của hai bên đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất là có thiếu sót, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm cả hai bên đều có mặt và đã được tranh luận, đối chất với nhau nên thiếu sót này đã được khắc phục, vì vậy, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong trường hợp này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần lưu ý để tránh những sai sót tương tự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho lý do kháng cáo của Ông H nên kháng cáo của Ông H là không có căn cứ. Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm : Do kháng cáo của Ông Trần Hưng H không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên Ông H là người cao tuổi, nên căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội được miễn tạm ứng án phí và án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 21, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 68,

Điều 351, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 13, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Trần Hưng H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Ông Trần Hưng H có trách nhiệm trả cho Ông Phạm Văn P số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) theo 02 (hai) giấy vay tiền ngày 11/11/2020 và ngày 12/11/2020, trả 01 (một) lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Văn P được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Hưng H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hưng H được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Tú Oanh